

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 11 năm 2019
(V/v: TrA chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Khuyến -Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về TrA chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị X** - sinh năm 1992

Nguyên quán: thôn LS, xã HP, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT: thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

***Bị đơn:** A **Trịnh Văn T** -sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Chị X có đơn xin vắng mặt; A T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thị X là nguyên đơn trình bày: Chị và A Trịnh Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN năm 2012. Vợ chồng chung sống với nhau ngay từ những ngày đầu tiên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do A T là người chồng ham chơi cờ bạc, lô đề, không quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Thời gian đầu A T còn chơi ít, chị còn tạm chấp nhận nghĩ vì thương con và nghĩ cho A T thêm cơ hội thay đổi bản thân dần dần, tuy nhiên kể từ năm 2016 cho đến nay A T ngày càng sa đọa nhiều hơn, chơi bởi nhiều hơn dẫn đến hậu quả nợ nần rất nhiều, nợ cả người nhà lẫn nợ dân

xã hội đen. Cứ mỗi lần như vậy A T lại bỏ nhà đi một thời gian, để một mình chị ở nhà lo trang trải nợ nần. Cho đến nay thì chị nhận thấy chị không còn đủ kiên nhẫn để tiếp tục cuộc sống như này nữa, chị đã cho A T quá nhiều cơ hội nhưng A T càng làm chị thất vọng, nên chị làm đơn xin ly hôn với A T để ổn định cuộc sống của 03 mẹ con.

Về con chung: chị và A T có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc A, sinh ngày 17/01/2014 và Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 27/3/2016. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị X có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng chị, vì chị cương quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với A T, chị không bao giờ thay đổi nguyện vọng trên.

Bị đơn A Trịnh Văn T: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2019, chính quyền địa phương xã HN cung cấp: Chị Lê Thị X, sinh năm 1992, là người gốc ở thôn LS, xã HP, huyện UH, thành phố Hà Nội kết hôn với A Trịnh Văn T, sinh năm 1990 có đăng ký tại UBND xã HN ngày 30/5/2012 ; Sau khi kết hôn chị X chuyển hộ khẩu và về chung sống với A T tại nhà A T ở thôn DX, xã HN. Sau khi kết hôn, chị X cùng A T ở nhà kinh doanh xưởng cộc, nhưng A T cũng là người ham chơi, thường X chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, A T còn nợ cả dân xã hội đen. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị X A T cũng xuất phát chủ yếu từ nguyên nhân này. Khoảng từ đầu năm chị X và A T sống ly thân, chính quyền địa phương được biết 03 mẹ con chị X bỏ về nhà ông bà ngoại ở HP. A T và chị X có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc A, sinh ngày 17/01/2014 và Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 27/03/2016. Nay chị X có đơn xin ly hôn A T, quan điểm chúng tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo các quy định pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Về nơi cư trú hiện tại của A T và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho A T: A T vẫn thường X sinh sống tại địa phương nhưng theo thông tin chính quyền địa phương biết được vì đang trốn nợ nên A T thoát ẩu thoát hiện, không rõ khi nào thì A T có mặt ở nhà nên chính quyền địa phương cùng Tòa án không tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho A T được nên Tòa án cùng chính quyền địa phương tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với A T.

Tại phiên tòa, chị X và A T đều vắng mặt, chị X có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị X được ly hôn với A T; giao hai con chung cho chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với A T; chị X phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị X làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập A T đến Tòa để hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng A T không chấp hành, chị X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị X và A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do A T không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Hai vợ chồng sống ly thân khoảng 4 tháng nay, chị X cương quyết xin được ly hôn với A T, A T không đến Tòa, thể hiện sự chống đối.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị X với A T là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị X, xử cho chị X được ly hôn với A T là phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị X và A T có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc A, sinh ngày 17/01/2014 và Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 27/03/2016. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với chị X. Chị X có nguyện vọng sau khi ly hôn chị được nuôi dưỡng cả hai cháu và chị không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Xét, hiện A T không đến Tòa để trình bày nguyện vọng, hai cháu lại là con gái hiện còn nhỏ, đều ở với mẹ từ bé cho đến nay nên giao cả hai cháu cho chị X trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật; chị X không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con đối với A T cho đến khi có thay đổi hoặc có đề nghị mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị X không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị X phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị X được ly hôn A Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị X và A Trịnh Văn T có 02 con chung: Trịnh Thị Ngọc A, sinh ngày 17/01/2014 và Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 27/03/2016. Giao cả hai cháu Trịnh Thị Minh A và Trịnh Thị Ngọc A cho chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với A T cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác. Sau ly hôn A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Lê Thị X không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị X phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009304 ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS huyện UH;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ; v/vp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện